

DANH SÁCH CHI TRẢ TRỢ CẤP HÀNG THÁNG

Xã, phường: Đồng Thái Ninh
Tháng 1 Năm 2026

Số TT	Họ và tên	Số CMND (CCCD)	Số sổ trợ cấp	Số tiền trợ cấp TX tháng này	Chưa lĩnh tháng trước		Tổng tiền trợ cấp	Người nhận	
					Số tháng	Tiền		Ký	Ghi rõ họ tên
1	2	3		4	5	6	7	8	9
04.1. TB Thương tật từ 21% - 60%									
1	GIANG ANH ĐIỀN	030140452	TB0117TT	1.969.000		0	1.969.000		
2	NGUYỄN NHƯ HUYỀN	285243908	TB3102TT	2.770.000	1	2.770.000	5.540.000		
3	NGUYỄN TRỌNG MẠCH	034058005963	TB0076TT	3.839.000	1	3.839.000	7.678.000		
4	VŨ TRỌNG NGUYỄN	150154141	TB1420TT	1.878.000		0	1.878.000		
5	ĐINH XUÂN PHÁN	150157173	TB2547TT	2.053.000	1	2.053.000	4.106.000		
6	VŨ NGỌC PHẪNG	150143137	TB1425TT	2.236.000		0	2.236.000		
7	GIANG ĐỨC TÁI	151853138	TB0080TT	2.236.000		0	2.236.000		
8	GIANG VĂN TÀN	034046001514	TB0078TT	3.667.000		0	3.667.000		
9	NGÔ VĂN THẮNG	034053001816	TB1390TT	2.236.000	1	2.236.000	4.472.000		
10	VŨ VĂN THẠO	150104998	TB0090TT	1.878.000		0	1.878.000		
11	NGUYỄN TUỖNG THÔNG	151775180	TB2744TT	1.878.000		0	1.878.000		



Số TT	Họ và tên	Số CMND (CCCD)	Số sổ trợ cấp	Số tiền trợ cấp TX tháng này	Chưa lĩnh tháng trước		Tổng tiền trợ cấp	Người nhận	
					Số tháng	Tiền		Ký	Ghi rõ họ tên
1	2	3		4	5	6	7	8	9
12	NGUYỄN CHÍ THUẬN	150040619	TB1348TT	3.667.000		0	3.667.000		
13	LÊ ĐÌNH TIẾN	151312812	TB2397TT	2.770.000		0	2.770.000		
14	LÊ TIẾN TUY	151925792	TB1416TT	1.878.000		0	1.878.000		
15	TẠ ĐỨC VINH	152023904	TB0086TT	1.878.000		0	1.878.000		
Cộng mã loại 04.1				36.833.000		10.898.000	47.731.000		
06.1. Bệnh binh suy giảm KNLĐ 41-50%									
1	BÙI VĂN KỲ	34044001111	BB1416TT	2.911.000		0	2.911.000		
Cộng mã loại 06.1				2.911.000		0	2.911.000		
06.2. Bệnh binh suy giảm KNLĐ 51-60%									
1	ĐÀO CÔNG KHUÊ	151034206	BB1414TT	3.627.000		0	3.627.000		
Cộng mã loại 06.2				3.627.000		0	3.627.000		
06.3. Bệnh binh suy giảm KNLĐ 61-70%									
1	NGÔ XUÂN BỘI	150157882	BB0523TT	4.622.000		0	4.622.000		
2	NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	034045000694	BB0050TT	4.622.000		0	4.622.000		
3	PHẠM VĂN CHUỐC	034056002524	BB0841TT	4.622.000		0	4.622.000		
4	GIANG NGỌC ĐAM	152947665	BB0046TT	4.622.000		0	4.622.000		
5	TRẦN KHÁNH DIỄN	152214123	BB0839TT	4.622.000	1	4.622.000	9.244.000		

Số TT	Họ và tên	Số CMND (CCCD)	Số sổ trợ cấp	Số tiền trợ cấp TX tháng này	Chưa lĩnh tháng trước		Tổng tiền trợ cấp	Người nhận	
					Số tháng	Tiền		Ký	Ghi rõ họ tên
1	2	3		4	5	6	7	8	9
6	DƯƠNG VĂN THOAN	34051000630	BB0521TT	4.622.000		0	4.622.000		
7	GIANG VĂN THUẬN	151770969	BB0058TT	4.622.000		0	4.622.000		
Cộng mã loại 06.3				32.354.000		4.622.000	36.976.000		
07.4. NPV người HDKC nhiệm CD suy giảm KNLD trên 81%									
1	TẠ THỊ DUYÊN	034165003040	PV0219TT	2.789.000		0	2.789.000		
Cộng mã loại 07.4				2.789.000		0	2.789.000		
09.12. Người HDKC nhiệm CDHH suy giảm KNLD từ 41 đến 60%									
1	NGÔ XUÂN BỘI	150157882	CD2779TT	3.542.000		0	3.542.000		
2	GIANG VĂN NGUYỆT		CD1066TT	3.542.000		0	3.542.000		
3	ĐỖ VĂN RẠNG	150148628	CD1033TT	3.542.000	1	3.542.000	7.084.000		
4	DƯƠNG VĂN THOAN	151954126	CD1541TT	3.542.000		0	3.542.000		
Cộng mã loại 09.12				14.168.000		3.542.000	17.710.000		
09.14. Người HDKC nhiệm CDHH suy giảm KNLD trên 81%									
1	PHẠM VĂN CÙ	150104902	CD1225TT	7.757.000		0	7.757.000		
Cộng mã loại 09.14				7.757.000		0	7.757.000		
10.01. Trợ cấp tuất thân nhân 1 liệt sỹ CB									
1	VŨ THỊ MÁU	034158001569	TL0210TT	2.789.000		0	2.789.000		

Số TT	Họ và tên	Số CMND (CCCD)	Số sổ trợ cấp	Số tiền trợ cấp TX tháng này	Chưa lĩnh tháng trước		Tổng tiền trợ cấp	Người nhận	
					Số tháng	Tiền		Ký	Ghi rõ họ tên
1	2	3		4	5	6	7	8	9
2	VŨ THỊ NỖN	150157311	TL1716TT	2.789.000		0	2.789.000		
3	VŨ THỊ NUỜNG	034146002138	TL0149TT	2.789.000		0	2.789.000		
4	NGÔ THỊ PHƯƠNG	150119030	TL4560TT	2.789.000		0	2.789.000		
5	NGUYỄN THỊ QUỲNH	150091563	TL2653TT	2.789.000		0	2.789.000		
6	ĐỖ THỊ THOA	034137000397	TL1718TT	2.789.000		0	2.789.000		
7	NGUYỄN THỊ THÚA	034135000674	TL2635TT	2.789.000		0	2.789.000		
8	GIANG THỊ TƯƠI	150104411	TL4710TT	2.789.000		0	2.789.000		
9	PHẠM ĐÌNH UYÊN	150091471	TL2681TT	2.789.000		0	2.789.000		
Cộng mã loại 10.01				25.101.000		0	25.101.000		
10.03. Trợ cấp tuất nuôi dưỡng thân nhân liệt sỹ									
1	GIANG THỊ TƯƠI	150104411	TL0218TT	2.231.000		0	2.231.000		
Cộng mã loại 10.03				2.231.000		0	2.231.000		
10.04. Tuất LTCM trước 01/01/45 hưởng ĐXCĐ									
1	NGUYỄN THỊ TỶ	150104133	TT0436TT	2.789.000		0	2.789.000		
Cộng mã loại 10.04				2.789.000		0	2.789.000		
10.08. Tuất TB, TBB suy giảm KNLĐ từ 61% trở lên ĐXCĐ									
1	CAO THỊ HIỀN		DTN00691H1	1.565.000		0	1.565.000		

Số TT	Họ và tên	Số CMND (CCCD)	Số số trợ cấp	Số tiền trợ cấp TX tháng này	Chưa lĩnh tháng trước		Tổng tiền trợ cấp	Người nhận	
					Số tháng	Tiền		Ký	Ghi rõ họ tên
1	2	3		4	5	6	7	8	9
Cộng mã loại 10.08									
				1.565.000		0	1.565.000		
10.10. Tuất bệnh binh suy giảm KNLD từ 61% trở lên ĐXCB									
1	NGÔ THỊ CHI	150722368	TT0326TT	1.565.000	1	1.565.000	3.130.000		
2	NGUYỄN THỊ NỤ	150157582	TT0089TT	1.565.000		0	1.565.000		
Cộng mã loại 10.10				3.130.000		1.565.000	4.695.000		
10.12. Tuất người nhiễm CDHH ĐXCB									
1	GIANG THỊ HOA	034155001020	TT00796TT	1.565.000	1	1.565.000	3.130.000		
Cộng mã loại 10.12				1.565.000		1.565.000	3.130.000		
11.4. Quân nhân từ 16 đến dưới 17 năm									
1	TRẦN VIỆT KHIÊM		QN0071TT	2.746.000		0	2.746.000		
Cộng mã loại 11.4				2.746.000		0	2.746.000		
14. Người HĐCM, HĐKC bị địch bắt, tù đầy									
1	NGUYỄN XUÂN DIỄN	151261321	TD0198TT	1.673.000		0	1.673.000		
Cộng mã loại 14				1.673.000		0	1.673.000		

Số TT	Họ và tên	Số CMND (CCCD)	Số sổ trợ cấp	Số tiền trợ cấp TX tháng này	Chưa lĩnh tháng trước		Tổng tiền trợ cấp	Người nhận	
					Số tháng	Tiền		Ký	Ghi rõ họ tên
1	2	3		4	5	6	7	8	9
Tổng cộng:							163.431.000		

Ấn định số người: 47 Số tiền: 163.431.000

Số tiền bằng chữ : Một trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng./.

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

PHÒNG VĂN HÓA XÃ HỘI

VĂN PHÒNG HỖND VÀ UBND

Người lập biểu

Trưởng phòng

Thủ quỹ

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

[Signature]



Lê Công Phái

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Vũ Văn Chí

Đỗ Thị Hạnh

Phí Ngọc Hạnh